

TỔNG QUAN VỀ QUẢN LÝ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

OVERVIEW OF MANAGEMENT OF EDUCATION QUALITY INSPECTION IN EDUCATION INSTITUTIONS

NGUYỄN ĐẶNG AN LONG

Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, *anlongnd@gmail.com*

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 12/6/2019 Ngày nhận lại: 17/9/2019 Duyệt đăng: 26/11/2019 Mã số: TCKH-S03T09-B01-2019 ISSN: 2354 – 0788</p> <p>Từ khóa: <i>kiểm định chất lượng giáo dục, chất lượng giáo dục, trường trung học cơ sở.</i></p> <p>Key words: <i>educational quality accreditation, quality of education, secondary schools.</i></p>	<p><i>Kiểm định chất lượng giáo dục ngày càng phổ biến, bởi nó là một giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng giáo dục. Hoạt động này đã chứng tỏ là một công cụ hữu hiệu để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục, giúp các trường kiểm soát và đảm bảo chất lượng giáo dục. Các nhà nghiên cứu trên thế giới cũng như ở Việt Nam quan tâm nghiên cứu về kiểm định chất lượng giáo dục và quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục.</i></p> <p>ABSTRACTS <i>Educational quality accreditation is increasingly popular because it is a management solution to improve the quality of education, which has proved to be an effective tool to maintain and improve the quality of education in order to help schools control and guarantee the quality of education. Researchers around the world as well as in Vietnam are interested in researching educational quality accreditation and management of educational quality at secondary schools.</i></p>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiểm định chất lượng giáo dục đã được hình thành và phát triển từ lâu. Kiểm định chất lượng được hiểu là quá trình đánh giá từ bên ngoài để công nhận các cơ sở giáo dục đạt được sự mạng và các chuẩn mực đã được tuyên bố. Kiểm định chất lượng giáo dục được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định là một giải pháp quản lý để nâng cao chất lượng giáo dục. Trong những năm gần đây, công tác này tiếp tục được đổi mới, các giải pháp phát huy hiệu quả, góp phần duy trì đảm bảo và nâng cao chất lượng

giáo dục cơ sở giáo dục. Kiểm định chất lượng giáo dục từng bước làm thay đổi cách nhìn nhận về công tác quản lý và chỉ đạo, tăng cường năng lực quản lý cơ sở giáo dục và quản lý dạy, học. Chính vì tầm quan trọng của kiểm định chất lượng giáo dục mà đã có nhiều nhà quản lý, nhà khoa học nghiên cứu về vấn đề này.

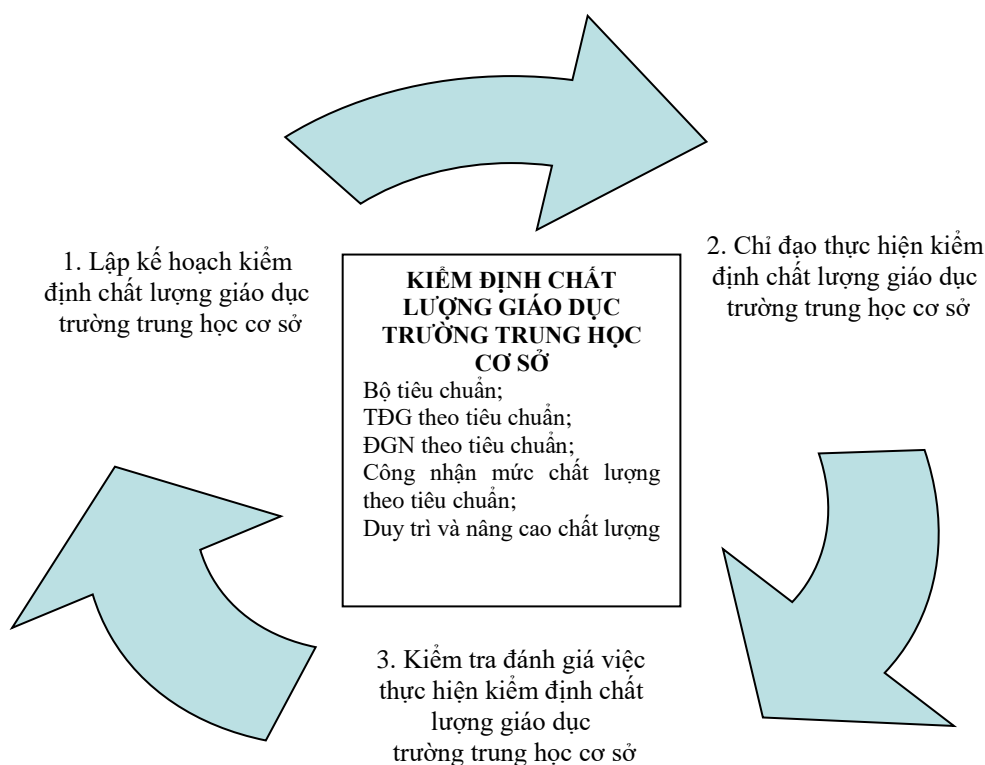
2. CÁC KHÁI NIỆM

Khái niệm kiểm định chất lượng giáo dục trong cơ sở giáo dục: Kiểm định chất lượng giáo dục trong cơ sở giáo dục là một hình thức quản lý chất lượng giáo dục nhằm mục đích xác định

mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn của nhà trường, thông qua sự đánh giá tổng thể về tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. Kết quả kiểm định là thước đo cơ sở giáo dục trong chuẩn chất lượng, đạt được những gì, còn thiếu những gì để điều chỉnh, bổ sung các điều kiện và tổ chức giáo dục, nhằm đạt chuẩn chất lượng. Kết quả kiểm định sẽ được công khai với cơ quan chức năng quản lý và xã hội. Điều đó sẽ thúc đẩy tích cực các cơ sở giáo

dục phổ thông tìm nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị mình.

Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), kiểm định chất lượng giáo dục là hoạt động đánh giá (bao gồm tự đánh giá và đánh giá ngoài) để xác định mức độ cơ sở giáo dục đáp ứng các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và việc công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của cơ quan quản lý nhà nước.



Hình 1. Sơ đồ thể hiện nội dung quản lý kiểm định chất lượng giáo dục trường trung học cơ sở

Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục:

Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục là quá trình tác động có mục đích của chủ thể quản lý đến hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục thông qua các hoạt động xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận và cấp giấy chứng nhận về kiểm định chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn chất lượng do cơ quan quản lý giáo dục ban hành nhằm mục đích nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông.

Quản lý kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục:

Kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục là một quá trình đánh giá nhằm đưa ra một quyết định công nhận cơ sở giáo dục đáp ứng các chuẩn mực qui định. Kiểm định chất lượng giáo dục không những phản ánh cho các bên liên quan những bằng chứng xác thực về chất lượng giáo dục mà còn là cơ hội và động lực để nâng cao chất lượng cho các cơ sở giáo dục đã qua kiểm định.

Chỉ có thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục mới mang lại những giá trị đích thực, nâng cao thương hiệu và chất lượng giáo dục các cơ sở giáo dục. Kiểm định chất lượng giáo dục là một quá trình thực hiện một chuỗi công việc để trường nhìn lại các hoạt động của mình trong một khoảng thời gian đã qua, thông thường chu kỳ 5 năm, đánh giá theo các tiêu chí nhất định làm cơ sở thực hiện các công việc tiếp theo để nâng cao chất lượng giáo dục.

3. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

3.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài

Trong lịch sử, kiểm định chất lượng được coi là xuất phát từ Mỹ vào cuối thế kỷ XIX, phát triển như một phần của tiến trình phát triển hệ thống giáo dục đại học và có sức lan tỏa mạnh mẽ ra khắp thế giới như một công cụ đảm bảo chất lượng giáo dục (Alexandra Hegji, 2017). Hầu hết các quốc gia bắt đầu triển khai kiểm định chất lượng giáo dục từ giữa thập niên 1990, bao gồm: các nước khu vực Đông Âu như Albania, Bulgaria, Hungary và Romania; các nước có nền giáo dục phát triển ở châu Âu như Hà Lan, Bỉ, Đức; các nước Mỹ Latin và vùng Vịnh như Oman, Kuwait, Qatar, Arab Saudi, Chile; các nước châu Á - Thái Bình Dương như Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Brunei, Lào và Campuchia. Đặc biệt, khu vực Đông Nam Á đã phát triển hệ thống kiểm định chất lượng SEAN University Network (Mạng lưới Các trường đại học khu vực Đông Nam Á - AUN-QA) dành cho các trường đại học trong khu vực. Ở khu vực châu Phi, Kenya và Nam Phi cũng đã triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

Trải qua quá trình phát triển, với những ưu thế nhất định, kiểm định chất lượng đã được các bậc giáo dục khác ngoài đại học sử dụng để kiểm định các chương trình giáo dục cũng như các cơ sở giáo dục. Theo đó, khái niệm kiểm

định chất lượng đã được mở rộng hơn. Basso (2003) cho rằng, kiểm định là một quy trình được sử dụng bởi các trường công lập và tư thục để đánh giá hiệu quả giáo dục theo quy định. Mặc dù kiểm định được xem xét như một chỉ số chất lượng cho trường học, nhưng mục tiêu chính của quy trình kiểm định là cải tiến trường học liên tục. Tương tự, Vlăsceanu và cộng sự (2007) cho rằng, kiểm định chất lượng là quá trình mà một tổ chức chính phủ hoặc tư nhân đánh giá chất lượng của toàn bộ cơ sở giáo dục hoặc của một chương trình giáo dục cụ thể nhằm chính thức công nhận cơ sở hoặc chương trình đã đáp ứng các tiêu chuẩn hoặc tiêu chí tối thiểu nào đó do tổ chức đánh giá đặt ra. Đồng quan điểm, Hala A. Sabri (2006) nhấn mạnh, kiểm định liên quan đến một quá trình đánh giá và xem xét cho phép khóa học hoặc cơ sở giáo dục được công nhận hoặc chứng nhận đáp ứng các tiêu chuẩn quy định. Trên bình diện quốc tế, kiểm định thường là một trong những bộ phận chính của đảm bảo chất lượng, trong đó đề cập đến các quy trình xem xét, đánh giá và giám sát đang diễn ra áp dụng cho tất cả các nhà cung cấp giáo dục được công nhận để đảm bảo rằng các khóa học và chương trình đạt tiêu chuẩn cao và sự giám sát của tổ chức là có hiệu quả. Kiểm định giữ vai trò quan trọng đối với người học, người sử dụng lao động, chính phủ và công chúng trong việc xác định chương trình giáo dục và đào tạo đạt chất lượng.

Kiểm định chất lượng là phương pháp được sử dụng rộng rãi nhất của đảm bảo chất lượng bên ngoài, bởi nó đảm bảo mức độ chất lượng cụ thể theo sứ mệnh của tổ chức, các mục tiêu của các chương trình và kỳ vọng của các bên liên quan khác nhau, bao gồm cả người học và người sử dụng lao động. Quá trình này thường dẫn đến sự công nhận trong một khoảng thời gian giới hạn. Theo Michaela Martin và Bikas C. Sanyal (2007), các nguyên nhân sau đây đã khiến cho kiểm định chất lượng giáo dục ngày nay trở nên đặc biệt quan trọng: *Thứ nhất*, khi các nhà cung cấp giáo

đục ngày càng đa dạng, nhu cầu về giáo dục được chứng nhận càng gia tăng. Không chỉ người học và gia đình của họ, mà còn cả thị trường lao động ngày càng tìm cách phân biệt giữa các nhà cung cấp giáo dục, do đó một chứng nhận chất lượng sẽ đáp ứng được nhu cầu này. *Thứ hai*, các mối đe dọa đối với chất lượng có thể đến từ các nguồn khác nhau, bao gồm các nhà cung cấp gian lận. Do đó, bằng cấp được trao bởi một tổ chức phải đi kèm với một sự đảm bảo. Kiểm định là một cách cung cấp sự đảm bảo đó. *Thứ ba*, số lượng các nhà cung cấp giáo dục và nhà cung cấp các tài liệu gian lận ngày càng tăng cũng thúc đẩy nhu cầu về một cơ quan có thể kiểm định các tổ chức này để duy trì các tiêu chuẩn cần thiết đáp ứng điều kiện tốt nghiệp để từ đó người học được nhận vào các tổ chức chuyên môn cao hơn hoặc chuyên ngành hơn trong thực tiễn nghề nghiệp của thị trường việc làm ngày nay. *Thứ tư*, các tổ chức giáo dục đang phải đối mặt với một thế giới cạnh tranh hơn bao giờ hết. Họ có hứng thú trong việc thu hút những sinh viên giỏi nhất và chuyên đổi văn bằng, chứng nhận của họ thành một loại tiền tệ có thể chuyển đổi (bao gồm thông qua các cơ chế chuyển đổi tín dụng). Họ cũng có tiềm năng trở thành các tổ chức học tập với chất lượng ngày càng hoàn thiện. Do đó, đóng vai trò: 1) Kiểm soát chất lượng (các tiêu chuẩn tối thiểu) trong giáo dục; 2) Trách nhiệm và minh bạch; 3) Nâng cao chất lượng; và 4) Tạo điều kiện cho sự dịch chuyển của người học.

Mặc dù ở mỗi nước có các tiêu chí kiểm định khác nhau song thực tế chúng giống nhau đáng kể ở nhiều khía cạnh. Theo đánh giá của Sywelem và Witte (2009), tất cả các trường được công nhận ở Hoa Kỳ và các quốc gia khác thường bao gồm một đánh giá về các khía cạnh như sứ mệnh, quản trị, giảng dạy, giáo viên, cơ sở hạ tầng, dịch vụ người học, tài chính và năng lực lập kế hoạch của tổ chức.

Kể từ thập niên 1980, toàn cầu hóa và những thay đổi trong giáo dục có sự tương tác chặt chẽ với nhau ngày càng mạnh mẽ. Do

khoảng cách thu hẹp, toàn cầu hóa đã và đang ảnh hưởng đến chính trị, các hệ thống kinh tế, bản sắc và sự độc lập của các quốc gia. Toàn cầu hóa cũng ảnh hưởng đến chương trình giáo dục của các quốc gia. Toàn cầu hóa đang ảnh hưởng đến việc dạy và học cũng như khả năng của người học trong việc ứng phó với sự khác biệt về văn hóa và xã hội. Nó đang định hình lại giá trị cốt lõi của các tổ chức giáo dục thông qua những ảnh hưởng của thị trường và mối quan tâm mang tính biểu tượng về bản sắc văn hóa. Mặt khác, toàn cầu hóa cũng mang đến những cơ hội và thách thức cho các trường học (Ginkel, 2003). Để ứng phó với sự cạnh tranh toàn cầu trong bối cảnh hiện nay, các trường học ngày càng được chính phủ khuyến khích tìm kiếm sự kiểm định quốc tế, do đó điều này đặt ra một số thách thức cho các tổ chức và cơ quan kiểm định quốc gia (Angela Yung-Chi Hou và Roger .C. Y. Chen, 2011). Với hơn 80 cơ quan kiểm định cơ sở đào tạo và chương trình giáo dục, Hoa Kỳ đang trở thành một quốc gia xuất khẩu đáng kể về đảm bảo chất lượng bằng cách kiểm định và công nhận giáo dục sau trung học ở các quốc gia phát triển (CHEA, 2008).

3.2. Các công trình nghiên cứu ở trong nước

Một trong những chuyển biến mạnh mẽ, có chiều sâu, thực chất, hiệu quả của nền giáo dục nước ta là công tác bảo đảm, kiểm định chất lượng được triển khai rộng rãi. So với nhiều quốc gia khác, hoạt động kiểm định chất lượng ở Việt Nam vẫn là một lĩnh vực hoạt động còn khá mới mẻ song đã nhận được sự quan tâm, chú trọng của ngành giáo dục. Điều này xuất phát từ nhu cầu tất yếu khách quan của công tác đào tạo nguồn nhân lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đặc biệt là trong bối cảnh Chính phủ chủ trương đổi mới cơ bản, toàn diện nền giáo dục.

Bộ Giáo dục và Đào tạo lựa chọn kiểm định chất lượng giáo dục như một biện pháp chính thức để nâng cao chất lượng giáo dục. Được triển khai bắt đầu từ năm 2002 với mô hình kiểm

định chất lượng giáo dục đại học, đến nay, công tác kiểm định chất lượng đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Kiểm định chất lượng giáo dục ở nước ta đã từng bước được triển khai thực hiện ở tất cả các bậc học từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học. Luật Giáo dục (2005) xác định: “Kiểm định chất lượng giáo dục là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đối với nhà trường và cơ sở giáo dục khác. Việc kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện định kỳ trong phạm vi cả nước và đối với từng cơ sở giáo dục. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục được công bố công khai để xã hội biết và giám sát”.

Theo tác giả Nguyễn An Ninh và Phạm Xuân Thanh (2008), kiểm định chất lượng giáo dục là một hoạt động đánh giá nhằm công nhận các cơ sở giáo dục hay chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng. Các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chủ yếu là tiêu chuẩn tối thiểu. Thông qua kiểm định chất lượng, các trường phấn đấu đạt các tiêu chuẩn tối thiểu. Định kỳ, các tiêu chuẩn kiểm định được nâng cao, đòi hỏi các trường tiếp tục phấn đấu vươn lên, nhờ đó mặt bằng chất lượng của các trường cũng sẽ được nâng lên. Quy trình kiểm định chất lượng sẽ có tác động đến hầu hết các trường, nhờ đó chất lượng giáo dục sẽ có những bước chuyển biến mạnh nếu triển khai kiểm định tất cả các trường học trong cả nước.

Tác giả Dương Nguyên Quốc (2013) cho rằng, kiểm định chất lượng giáo dục là yếu tố sống còn đối với các cơ sở giáo dục, thể hiện ở các vai trò sau: *Thứ nhất*, kiểm định chất lượng giáo dục giúp các nhà quản lý giáo dục nhìn lại toàn bộ hoạt động của nhà trường một cách có hệ thống để điều chỉnh các hoạt động giáo dục của nhà trường theo một chuẩn mực nhất định. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục phản ánh chất lượng đào tạo của nhà trường, giúp lãnh đạo trường nắm được điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, làm căn cứ để xây

dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục. *Thứ hai*, kiểm định chất lượng giáo dục giúp nhà trường định hướng và xác định chuẩn chất lượng nhất định theo quy định của Nhà nước, đảm bảo chất lượng đầu ra. *Thứ ba*, kiểm định chất lượng giáo dục tạo ra cơ chế đảm bảo chất lượng vừa linh hoạt vừa chặt chẽ bao gồm tự đánh giá và đánh giá ngoài. Các tác giả Nguyễn Thị Uyên, Trần Xuân Sang và Trần Thị Kim Oanh (2017) khẳng định, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục là hoạt động cần thiết và quan trọng tại các cơ sở giáo dục. Hoạt động này ngày càng trở nên phổ biến bởi nó là một công cụ hiệu quả giúp các trường kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh. Kiểm định chất lượng giáo dục giúp các trường có cơ hội xem xét lại toàn bộ hoạt động của tổ chức một cách hệ thống, từ đó điều chỉnh các hoạt động theo một chuẩn mực nhất định. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục của các trường đạt hay không so với tiêu chuẩn quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ góp phần định hướng cho các hoạt động sau của xã hội: giúp học sinh và phụ huynh lựa chọn trường, làm cơ sở để nhà trường kêu gọi đầu tư từ các tổ chức xã hội, định hướng phát triển cho các trường nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực về giáo dục (Trần Thanh Bình, 2009).

Thực tiễn kiểm định chất lượng giáo dục khá đa dạng và phức tạp, tuy nhiên theo tổng kết của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội thì ở Việt Nam, kiểm định chất lượng giáo dục đại học hay phổ thông đều có điểm chung là thực hiện theo quy trình đánh giá (bao gồm tự đánh giá, đánh giá ngoài và thẩm định công nhận chất lượng) dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí để xác định mức độ nhà trường/chương trình đào tạo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Hiện nay, quy trình kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông ở nước ta được thực hiện theo quy trình gồm 4 bước: 1) Tự đánh giá của các cơ sở giáo dục; 2) Đăng ký đánh giá ngoài của các cơ sở giáo dục; 3) Đánh giá ngoài cơ sở giáo dục; 4) Công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất

lượng giáo dục và cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục. Trong quy trình này, hoạt động tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài là trách nhiệm của các cơ sở giáo dục; tổ chức đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục là thẩm quyền của Sở Giáo dục và Đào tạo. Quy trình kiểm định chất lượng giáo dục phổ thông được thực hiện theo chu kỳ 5 năm với 5 tiêu chuẩn (tổ chức và quản lý nhà trường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục), mỗi tiêu chuẩn có một số tiêu chí, mỗi tiêu chí có 3 chỉ số.

Trước xu thế hội nhập toàn cầu, kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo theo chuẩn của các tổ chức quốc tế được xem là một xu hướng bắt buộc đối với các trường học, đặc biệt là các trường đại học. Theo Phạm Quang Huy (2016), đối với các trường đại học tại Việt Nam, ban lãnh đạo nhà trường đang định hướng kiểm định chương trình đào tạo các ngành bậc đại học theo chuẩn của AUN và thực tế tiêu chuẩn AUN đã thực hiện kiểm định cho nhiều trường. Trong quá trình đánh giá chất lượng, một trong những điểm quan trọng mà AUN quan tâm đó là triết lý giáo dục của các trường. Triết lý này giúp người học và người dạy nắm bắt được tinh thần chung mà nhà trường đang hướng tới. Nó cũng sẽ định hướng cho giáo viên có các phương pháp phù hợp để hướng đến chuẩn đầu ra mong đợi trong chương trình đào tạo.

4. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

Thứ nhất, trên thế giới, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đã được hình thành từ Hoa Kỳ vào cuối thế kỷ XIX, xuất phát từ kiểm định chất lượng giáo dục đại học và ngày càng trở thành một xu hướng toàn cầu, có sức lan tỏa mạnh mẽ ra khắp thế giới như một công cụ đảm bảo chất lượng giáo dục toàn bộ các bậc học. Hầu hết các quốc gia bắt đầu triển khai kiểm định chất lượng từ giữa thập niên 1990. Theo đó, các tổ chức và các các nhà nghiên cứu đã

đưa ra các định nghĩa khác nhau về kiểm định chất lượng giáo dục, đồng thời xác định các nguyên nhân, vai trò, mục tiêu cũng như các bước trong quy trình kiểm định. Mặc dù ở mỗi nước có các tiêu chuẩn kiểm định khác nhau song thực tế, kiểm định chất lượng thường bao gồm một đánh giá về các khía cạnh như sứ mệnh, quản trị, giảng dạy, giáo viên, cơ sở hạ tầng, dịch vụ người học, tài chính và năng lực lập kế hoạch của tổ chức. Trong bối cảnh những thay đổi mạnh mẽ về giáo dục ở các quốc gia, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế ngày càng được các chính phủ khuyến khích, điều này lại đặt ra một số thách thức cho các tổ chức và cơ quan kiểm định quốc gia.

Thứ hai, ở Việt Nam, trong bối cảnh đổi mới giáo dục, công tác bảo đảm, kiểm định chất lượng ngày càng được triển khai rộng rãi, được coi là một biện pháp chính thức để nâng cao chất lượng toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân. Mặc dù là một lĩnh vực hoạt động còn khá mới mẻ song kiểm định chất lượng đã nhận được sự quan tâm, chú trọng của ngành giáo dục và các nhà nghiên cứu. Trên cơ sở kế thừa lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn của các quốc gia đi trước, các công trình nghiên cứu trong nước đã làm rõ khái niệm, vai trò, quy trình của hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục. Các tác giả nhấn mạnh, việc xây dựng một hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục ở cấp quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc duy trì các chuẩn mực cũng như nâng cao chất lượng giáo dục ở Việt Nam. Đặc biệt trước xu thế hội nhập toàn cầu, kiểm định chất lượng giáo dục ở nước ta đã định hướng theo chuẩn của các tổ chức quốc tế. Với áp lực ngày càng gia tăng về trách nhiệm giải trình cũng như sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong tuyển sinh, việc các cơ sở giáo dục tham gia kiểm định chất lượng dù theo chuẩn quốc gia hay quốc tế đều mang tính quan trọng sống còn đối với các trường trong thời gian tới.

Thứ ba, hoạt động quản lý kiểm định chất lượng giáo dục đóng vai trò rất quan trọng bởi

kết quả kiểm định là căn cứ để giải trình với xã hội, với các cơ quan quyền lực hay các cơ quan, tổ chức tài trợ. Ở trên thế giới, hầu hết các quốc gia đã triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục nhằm mục đích quản lý, giám sát và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục. Nhìn chung, các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khá đa dạng về mặt sở hữu, đối tượng kiểm định, tính phụ thuộc hay độc lập với nhà nước, mô hình tổ chức. Đi sâu nghiên cứu về quản lý kiểm định chất lượng giáo dục, các nghiên cứu đã đề xuất các nhóm giải pháp chiến lược kiểm định đối với cấp quốc gia, các cơ quan kiểm định và các cơ sở giáo dục. Các nghiên cứu cũng cung cấp các kinh nghiệm lý thuyết và thực tiễn về quản lý kiểm định chất lượng của các tổ chức giáo dục tại các quốc gia như Philippines, Nigeria, Thổ Nhĩ Kỳ về các phương diện như định hướng lãnh đạo, đảm bảo nguồn lực, mối quan hệ với xã hội và các tổ chức kiểm định. Riêng ở Việt Nam, đứng trước bối cảnh Chính phủ chủ trương đổi mới cơ bản, toàn diện nền giáo dục và thực hiện đổi mới quản lý giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục được sử dụng như một giải pháp quan trọng để khuyến khích các cơ sở giáo dục nâng cao chất lượng giáo dục, đạt các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục trong nước và xếp hạng quốc tế. Do đó, nhiều công trình nghiên cứu đã tập trung làm rõ hệ thống văn bản quản lý về công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đồng thời đề xuất các nhóm biện pháp về quản lý kiểm định chất lượng giáo dục nhằm tuyên truyền, phổ biến về kiểm định chất lượng tới các lực lượng xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục từng bước phát triển vững chắc và đi vào chiều sâu. Việc quản lý kiểm định chất lượng giáo dục cần có sự kết hợp giữa Nhà nước (Bộ Giáo dục và Đào tạo), các tổ chức kiểm định độc lập, các cơ

sở giáo dục và các bên liên quan. Ngoài ra, ở cấp độ quản lý vi mô, các nghiên cứu cũng tập trung phân tích hoạt động quản lý kiểm định chất lượng giáo dục ở các bậc học cụ thể tại các địa phương cụ thể, đưa ra các giải pháp về quản lý và tổ chức, về đội ngũ, về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học, về mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, về hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục nhằm bảo đảm công tác kiểm định chất lượng tiếp tục phát huy hiệu quả.

Như vậy, có thể thấy đã có nhiều công trình nghiên cứu khá sâu sắc và toàn diện về các hướng nghiên cứu liên quan đến quản lý kiểm định chất lượng giáo dục. Các nghiên cứu tập trung vào hoạt động quản lý kiểm định chất lượng giáo dục đại học, một số ít công trình đã đi sâu vào các giải pháp quản lý kiểm định chất lượng giáo dục bậc phổ thông, trong đó bao gồm bậc trung học cơ sở nhưng thực tế cho thấy, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục giữa các bậc học có nhiều nét tương đồng về bản chất, vai trò, mục đích, quy trình, các tiêu chuẩn kiểm định.

5. KẾT LUẬN

Các công trình nghiên cứu đều nhấn mạnh vai trò của kiểm định chất lượng giáo dục, đề cao tầm quan trọng của kiểm định chất lượng giáo dục trong các cơ sở giáo dục, coi đây là nội dung nhằm nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay. Một số tác giả đi sâu nghiên cứu làm sáng tỏ một số nội dung cơ bản của các chuẩn mực kiểm định chất lượng giáo dục cũng như khẳng định vị trí vai trò công tác kiểm định chất lượng giáo dục ở các nhà cơ sở giáo dục. Nghiên cứu về kiểm định chất lượng giáo dục và quản lý hoạt động kiểm định chất lượng trong các cơ sở giáo dục của các tác giả trong và ngoài nước là nguồn học liệu quý báu để các nhà khoa học, nhà quản lý kế thừa, tiếp tục nghiên cứu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cho các cơ sở giáo dục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Angela Yung-chi Hou, Roger .C. Y. Chen (2011), *International Accreditation in Taiwan Higher Education* (Sub theme: Quality Assurance at a Distance)", http://www.inqaahe.org/sites/default/files/pictures/36_Hou%20-%20Chen_International%20Accreditation%20in%20Taiwan%20HE.pdf.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học*, ngày 22/8/2018, Hà Nội.
3. CHEA (2008), *Quality review 2007*, Washington, D.C.: CHEA.
4. Basso, M. (2003), *AMS/NAEYC: New joint accreditation process, Montessori Life*.
5. Michaela Martin và Bikas C. Sanyal (2007), "Quality assurance and the role of accreditation: An overview", https://www.researchgate.net/publication/44840328_Quality_assurance_and_the_role_of_accreditation_an_overview.
6. Nguyễn An Ninh, Phạm Xuân Thanh (2008), *Kiểm định chất lượng và xếp hạng: Hai cách tiếp cận trong đánh giá chất lượng giáo dục*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế *Xếp hạng các trường đại học: Xu thế và các quan điểm*, Đại học Quốc gia Hà Nội và Bộ Giáo dục và Đào tạo.
7. Nguyễn Thị Uyên, Trần Xuân Sang và Trần Thị Kim Oanh (2017), *Đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo chu trình PCDA*, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Vinh*.
8. South East Asian Ministers of Education Organization (2012), *Framework for Regional Quality Assurance, Cooperation in Higher Education*.
9. Vlăsceanu, L., Grünberg, L., và Paralea, D. (2007), *Quality assurance and accreditation: a glossary of basic terms and definitions*, UNESCOPEPES, Bucharest.